

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI NGHỊ ĐỊNH SỐ 63/2010/NĐ-CP NGÀY 08 THÁNG 6 NĂM 2010
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2308/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG					
1	1.008671	Thẩm định hồ sơ đề nghị đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Chính phủ phân quyền cho Bộ trưởng

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	1.008672	Cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cấp Bộ phân cấp về Chủ tịch UBND cấp tỉnh
2	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cấp Bộ phân cấp về Chủ tịch UBND cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			nghiệp và môi trường; - Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.			
3	1.004150	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cấp Bộ phân cấp về Chủ tịch UBND cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
4	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cấp Bộ phân cấp về Chủ tịch UBND cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
5	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cấp Bộ phân cấp về Chủ tịch UBND cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Tên thủ tục: Thẩm định hồ sơ đề nghị đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (1.008671)

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 đường Tôn Thất Thuyết, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.mae.gov.vn>.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định và tiến hành thẩm định hồ sơ.

d) Bước 4: Trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét ban hành Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thực hiện các công việc: (1) thông báo cho tổ chức, cá nhân kết quả hồ sơ đề xuất; (2) gửi văn bản đề nghị đưa loài vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ kèm theo hồ sơ và kết quả thẩm định của Hội đồng tới Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét quyết định việc đưa loài vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ.

1.2. Cách thức thực hiện

Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 1, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ (01 bản chính);
- Bộ hồ sơ với các nội dung:

- + Tên phổ thông, tên bản địa, tên khoa học của loài được đề nghị;
- + Vùng phân bố, số lượng cá thể ước tính, điều kiện sống và tình trạng nơi sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của loài được đề nghị;
- + Các đặc tính cơ bản, tính đặc hữu, giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hoá - lịch sử của loài được đề nghị;
- + Mức độ bị đe dọa tuyệt chủng của loài được đề nghị;
- + Chế độ quản lý, bảo vệ và yêu cầu đặc thù khác;
- + Kết quả tự đánh giá và đề nghị việc đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại Việt Nam.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học.
- Thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Hồ sơ và kết quả thẩm định của Hội đồng trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét quyết định việc đưa loài vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ.

1.8. Phí, lệ phí: Không thu phí.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Đơn đề nghị đưa vào hoặc đưa ra khỏi danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Mẫu số 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điều 38 Luật Đa dạng sinh học năm 2008;
- Điều 8 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- Điều 41 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Mẫu số 1

Mẫu đơn đề nghị đưa vào hoặc đưa ra khỏi danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị

- Tổ chức: *tên tổ chức, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập*

- Cá nhân: *họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước..... ngày cấp....., nơi cấp.....*

2. Nội dung đề nghị

- Tên loài đề nghị (*tên thông thường và tên khoa học*).

- Lý do đề nghị đưa loài vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí xác định loài quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị định về tiêu chí xác định loài và chế độ bảo vệ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

3. Tài liệu kèm theo

- Hồ sơ đánh giá hiện trạng loài đề nghị đưa vào hoặc đưa loài ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Các tài liệu nghiên cứu, đánh giá có liên quan đến loài đề nghị.

....., ngày tháng năm

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Tên thủ tục: Cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (1.008672)

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đăng ký cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định (có thể thành lập Hội đồng thẩm định) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Bước 4: Quyết định việc cấp Giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, trên cơ sở kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

1.2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác theo Mẫu số 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ (01 bản chính);

- Phương án khai thác theo Mẫu số 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ (01 bản chính);

- Báo cáo đánh giá hiện trạng quần thể loài tại khu vực khai thác theo Mẫu số 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ (01 bản chính);

- Bản sao văn bản ký kết về chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học hoặc Quyết định phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (01 bản sao);

- Văn bản đồng ý của tổ chức, cá nhân được quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ (01 bản chính);

- Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân hợp lệ (01 bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại Việt Nam.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

1.8. Phí, lệ phí: Chưa quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

- Đơn đề nghị cấp phép khai thác loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Mẫu số 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ;

- Phương án khai thác loài thuộc danh mục loài ưu tiên bảo vệ theo Mẫu số 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ;

- Báo cáo đánh giá hiện trạng quần thể loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đề nghị khai thác theo Mẫu số 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phục vụ mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học và tạo nguồn giống ban đầu;

- Bảo đảm không làm ảnh hưởng tiêu cực tới sự tồn tại và phát triển của loài đó trong tự nhiên;

- Có Giấy phép khai thác do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ;

- Được sự đồng ý của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên đối với hoạt

động khai thác tại khu bảo tồn thiên nhiên, Chủ cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đối với hoạt động khai thác tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đối với hoạt động khai thác ngoài khu bảo tồn thiên nhiên, ngoài cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điều 44 Luật Đa dạng sinh học năm 2008;
- Điều 11 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- Khoản 4, Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Mẫu Đơn đề nghị cấp phép khai thác loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC
LOÀI THUỘC DANH MỤC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM
ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....

1. Tên cá nhân, tổ chức đề nghị cấp phép:

- Tổ chức: tên tổ chức, địa chỉ điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp hoặc quyết định thành lập

- Cá nhân: họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước, ngày cấp, nơi cấp

2. Nội dung đề nghị

- Loài đề nghị khai thác:

+ Tên thông thường và tên khoa học;

+ Chúng loại khai thác: cá thể, bộ phận, dẫn xuất...;

+ Số lượng khai thác: nêu rõ bao nhiêu mẫu vật khai thác (đối với động vật sống phải nêu rõ số lượng cá thể non, trưởng thành, già; cá thể đực và cái).

- Mục đích khai thác.

3. Địa điểm khai thác

4. Thời gian dự kiến khai thác

5. Các tài liệu gửi kèm

- Thuyết minh phương án khai thác.

- Báo cáo đánh giá hiện trạng quần thể loài đề nghị khai thác.

- Các tài liệu có liên quan khác liên quan đến khai thác loài.

....., ngày tháng năm

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu Phương án khai thác loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm
được ưu tiên bảo vệ**
(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013
của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC LOÀI THUỘC DANH MỤC LOÀI
NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ**

1. Tên tổ chức, cá nhân lập phương án khai thác

- Tổ chức: *tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp hoặc quyết định thành lập.*

- Cá nhân: *họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước, ngày cấp....., nơi cấp.....*

2. Nội dung đề nghị khai thác

- Loài đề nghị khai thác:

+ Tên thông thường và tên khoa học;

+ Chúng loại khai thác: cá thể, bộ phận, dẫn xuất...;

+ Số lượng khai thác: nêu rõ bao nhiêu mẫu vật khai thác (đối với động vật sống phải nêu rõ số lượng cá thể non, trưởng thành, già; cá thể đực và cái);

- Mục đích khai thác.

3. Địa điểm khai thác

3.1. Khai thác ngoài tự nhiên

+ Vị trí khu vực khai thác: nêu rõ lô, khoảnh, tiểu khu đối với rừng và tọa độ địa lý đối với các hệ sinh thái khác.

+ Ranh giới: mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm sơ đồ, bản đồ khu khai thác tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000

+ Diện tích khu vực khai thác.

+ Hiện trạng hệ sinh thái, khu hệ động, thực vật tại khu vực khai thác.

3.2. Khai thác tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

+ Tên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

+ Địa chỉ cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

- + Quyết định thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.
- + Hiện trạng bảo tồn loài tại cơ sở: số lượng, quy mô, tình trạng các cá thể của loài được bảo tồn.
- + Vị trí và diện tích khu vực khai thác.

4. Thời gian khai thác: từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

5. Phương án khai thác

- Phương tiện, công cụ khai thác.
- Hình thức khai thác (*săn, bắt, bẫy, lưới...*).
- Tổ chức, cá nhân thực hiện (ghi rõ tên, địa chỉ, số lượng...).

6. Đánh giá tác động của việc khai thác

- Đánh giá tác động của việc khai thác và phương án khai thác đối với sự biến đổi của quần thể loài sau khi khai thác.
- Đánh giá tác động của việc khai thác và phương án khai thác đối với môi trường tự nhiên và các loài động vật, thực vật khác trong khu vực khai thác.

7. Các tài liệu kèm theo

....., ngày tháng năm

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu Báo cáo đánh giá hiện trạng quần thể loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đề nghị khai thác

(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ)

Tên đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG QUẦN THỂ LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ ĐỀ NGHỊ KHAI THÁC

Tên loài: *(tên thông thường và tên khoa học)*

1. Thông tin chung

Giới thiệu chung về loài đề nghị khai thác tại Việt Nam gồm:

- Mô tả đặc điểm sinh thái học của loài, vùng phân bố;
- Hiện trạng quần thể, các mối đe dọa đối với loài, mức độ nguy cấp (đánh giá theo Sách đỏ Việt Nam, Danh lục đỏ IUCN);
- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển loài;
- Những nghiên cứu đã được thực hiện về loài và các thông tin khác có liên quan.

2. Phương pháp, thời gian điều tra *(đối với các nội dung điều tra phải nêu rõ các phương pháp điều tra đã thực hiện các nội dung đó):*

3. Kết quả điều tra loài đề nghị khai thác

3.1. Đối với loài ngoài tự nhiên

- Xác định kích thước quần thể, phân bố theo sinh cảnh, mật độ/trữ lượng; tăng trưởng; số lượng tỷ lệ di cư, nhập cư; cấu trúc quần thể (số lượng cá thể đực, cái; số lượng cá thể già, non và trưởng thành).
- Xác định khả năng khai thác, mùa sinh sản, mùa khai thác; số lượng, chủng loại, thời gian được phép khai thác để đảm bảo phát triển bền vững.
- Xây dựng sơ đồ, bản đồ điều tra, phân bố loài đề nghị khai thác tỷ lệ 1:5.000 hoặc 1:10.000.

3.2. Đối với loài tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

- Xác định số lượng cá thể (đực, cái, già, trưởng thành, non), số lượng sinh sản trung bình hàng năm, tỷ lệ sống sót; dự đoán tăng trưởng của đàn.
- Kế hoạch phát triển loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại cơ

sở bảo tồn đa dạng sinh học.

- Hoạt động nhân nuôi, tái thả, sinh sản của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

4. Đề xuất phương án khai thác: Nêu rõ phương tiện, công cụ, hình thức khai thác áp dụng đối với từng đối tượng dự kiến khai thác.

5. Kết luận và kiến nghị

6. Phụ lục

7. Tài liệu tham khảo

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu Giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm
được ưu tiên bảo vệ**
(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013
của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....., ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC LOÀI THUỘC DANH MỤC LOÀI NGUY CẤP,
QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ**

1. Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân

- Tổ chức: *tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp hoặc quyết định thành lập.*

- Cá nhân: họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số Thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước....., ngày cấp....., nơi cấp.....

2. Mục đích khai thác

3. Nội dung khai thác

- Loài khai thác (*tên thông thường và tên khoa học*).
- Số lượng, chủng loại, đơn vị tính (*bằng số và bằng chữ*).
- Địa điểm khai thác.
- Thời gian khai thác.
- Phương tiện, công cụ khai thác.
- Hình thức khai thác (*săn, bắt, bẫy, lưới,...*)

4. Giấy phép này có giá trị: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Tên thủ tục: Đăng ký tiếp cận nguồn gen (1.004160)

2.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đăng ký tiếp cận nguồn gen nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Bước 4: Quyết định việc xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, trên cơ sở kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

2.2. Cách thức thực hiện

Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký tiếp cận nguồn gen theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (01 bản chính);

- Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của quốc gia nơi tổ chức được thành lập và văn bản hợp tác với tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam trong trường hợp các tổ chức, cá nhân nước ngoài đăng ký tiếp cận nguồn gen (01 bản chính hoặc 01 bản sao);

- Văn bản của tổ chức, cá nhân cử đại diện để thực hiện đăng ký tiếp cận nguồn gen đối với việc đăng ký tiếp cận nguồn gen thuộc chương trình, dự án, đề tài chung có sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân (01 bản chính);

- Trường hợp cá nhân đăng ký cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, phải cung cấp các tài liệu sau:

- + Bảng cấp chuyên môn (từ đại học trở lên) về một trong các lĩnh vực: sinh học, công nghệ sinh học, dược học và khoa học nông nghiệp (01 bản sao);

+ Văn bản bảo lãnh của tổ chức khoa học và công nghệ đang hoạt động mà cá nhân là thành viên thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (01 bản sao).

b) *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại;

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu tiếp cận nguồn gen trên lãnh thổ Việt Nam vì bất cứ mục đích nào;

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu đưa nguồn gen được tiếp cận ra nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại Điều 20 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen.

2.8. Phí, lệ phí: Không thu phí.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Đơn đăng ký tiếp cận nguồn gen theo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Việc tiếp cận nguồn gen không thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Nguồn gen của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Việc sử dụng nguồn gen có nguy cơ gây hại đối với con người, môi trường, an ninh, quốc phòng và lợi ích quốc gia.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Khoản 1, Điều 57 Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

- Điều 9 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

- Khoản 1, Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Mẫu đơn đăng ký tiếp cận nguồn gen

(Ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ TIẾP CẬN NGUỒN GEN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh).....

1. Thông tin chung về tổ chức, cá nhân đăng ký:

- Trường hợp đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Trường hợp đối với cá nhân: Thông tin về cá nhân (họ và tên; số thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước, địa chỉ liên hệ, điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử); Trình độ và lĩnh vực chuyên môn của cá nhân (có bằng cấp chuyên môn từ đại học trở lên về một trong các lĩnh vực: sinh học, công nghệ sinh học, dược học, khoa học nông nghiệp). Thông tin về tổ chức khoa học và công nghệ mà cá nhân là thành viên (tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax).

2. Nội dung đăng ký:

- Nguồn gen đăng ký tiếp cận (Tên Việt Nam, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài);

- Lượng nguồn gen dự kiến tiếp cận (nêu rõ bao nhiêu mẫu nguồn gen, số lượng/khối lượng).

- Mục đích tiếp cận nguồn gen:

☐ Nghiên cứu không vì mục đích thương mại

☐ Nghiên cứu vì mục đích thương mại

☐ Phát triển sản phẩm thương mại

- Thời gian tiếp cận (thời điểm bắt đầu và kết thúc, thời gian tiếp cận không quá 3 năm);

- Địa điểm tiếp cận:

- Bên cung cấp:

☐ Đã có Bên cung cấp (ghi rõ tên, địa chỉ liên hệ của Bên cung cấp)

☐ Đề nghị giới thiệu Bên cung cấp

- Hoạt động phát sinh dự kiến (nếu có):

☐ Đưa nguồn gen ra nước ngoài

☐ Chuyển giao cho bên thứ ba mà không thay đổi mục đích tiếp cận

3. Dự kiến phương án tiếp cận:

- Thời gian tiếp cận (thời điểm bắt đầu, kết thúc);

- Cách thức tiếp cận (phương tiện, công cụ tiếp cận, sử dụng);

- Địa điểm tiếp cận (tiếp cận ngoài tự nhiên, tiếp cận tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bộ sưu tập...);

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện điều tra, thu thập nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ....);

4. Việc sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có):

Nêu các thông tin khái quát về việc dự kiến sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen.

5. Tài liệu kèm theo Đơn đăng ký (*liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường*)

6. Cam kết

(Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đăng ký này và hồ sơ kèm theo.

Đề nghị quý cơ quan xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen./.

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Tổ chức/cá nhân đăng ký

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh
và đóng dấu nếu có)

3. Tên thủ tục: Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen (1.004150)

3.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen đến Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn ba mươi sáu (36) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ đối với hồ sơ nghiên cứu không vì mục đích thương mại; bảy mươi lăm (75) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức Hội đồng thẩm định đối với hồ sơ nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

d) Bước 4: Quyết định việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen; trường hợp từ chối thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

3.2. Cách thức thực hiện

Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (01 bản chính);

- Văn bản chấp thuận của bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật đối với trường hợp tiếp cận nguồn gen thuộc danh mục nguồn gen tiếp cận, sử dụng có điều kiện (01 bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

3.4. Thời hạn giải quyết

- 39 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đối với hồ sơ nghiên cứu không vì mục đích thương mại;

- 78 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đối với hồ sơ đề nghị

tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại;
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu tiếp cận nguồn gen trên lãnh thổ Việt Nam vì bất cứ mục đích nào;
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu đưa nguồn gen được tiếp cận ra nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại Điều 20 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.8. Phí, lệ phí: Chưa quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

- Văn bản bảo lãnh của tổ chức khoa học và công nghệ cho cá nhân đề nghị cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- a) Các điều kiện để tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen bao gồm:
- Đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - Đã ký hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý nguồn gen;
 - Việc tiếp cận nguồn gen không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật Đa dạng sinh học.
- b) Đối tượng là cá nhân đăng ký và đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có bằng cấp chuyên môn (từ đại học trở lên) về một trong các lĩnh vực: sinh học, công nghệ sinh học, dược học và khoa học nông nghiệp;

- Là thành viên của tổ chức khoa học và công nghệ đang hoạt động theo quy định pháp luật của quốc gia nơi tổ chức được thành lập trong các lĩnh vực sinh học, công nghệ sinh học, dược học, khoa học nông nghiệp và được tổ chức này bảo lãnh bằng văn bản theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điều 59 Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

- Điều 13 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

- Khoản 1 Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

**Mẫu văn bản bảo lãnh của tổ chức khoa học và công nghệ cho
cá nhân đề nghị cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Số:..... (Địa danh), ngày tháng năm	
Kính gửi: Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh).....	
BÊN BẢO LÃNH: Tên tổ chức bảo lãnh: Địa chỉ trụ sở:..... Số, ký hiệu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:..... ; ngày cấp:.....; nơi cấp:..... Lĩnh vực khoa học và công nghệ được cấp phép hoạt động:..... Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức: Chức vụ: Điện thoại:..... Fax:.....	
BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH: Họ và tên:..... Số Thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương:..... ; ngày cấp:.....; nơi cấp:..... Đơn vị công tác: Địa chỉ liên hệ: Lĩnh vực chuyên môn: Điện thoại:..... Fax:..... Địa chỉ thư điện tử:	
Ông/Bà (tên bên được bảo lãnh) ... - Bên được bảo lãnh hiện đang là thành viên của (tên bên bảo lãnh) với chức danh là ...	

Bằng văn bản này, chúng tôi - ...(tên bên bảo lãnh)... chấp thuận bảo lãnh cho ...Ông/Bà (tên bên được bảo lãnh)... trong việc thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của ...Ông/Bà (tên bên được bảo lãnh)... được quy định tại Hợp đồng về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích số ... ngày ... ký giữa ...(tên Bên cung cấp)... và ...(tên Bên tiếp cận)....

Chúng tôi khẳng định rằng, trong trường hợp ...Ông/Bà (tên bên được bảo lãnh)... không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo cam kết tại Hợp đồng số ..., chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về nghĩa vụ của ...Ông/Bà (tên bên được bảo lãnh)... theo Hợp đồng nêu trên.

Văn bản bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày ký phát hành.

Văn bản bảo lãnh này được lập thành ... bản, không có giá trị chuyển nhượng và không hủy ngang.

Văn bản bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC BẢO LÃNH**

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức
danh và đóng dấu)*

Mẫu hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích

(Ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

MẪU HỢP ĐỒNG TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH

(Số:.....-...../Bên cung cấp – Bên tiếp cận)

- Căn cứ Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen trong khuôn khổ Công ước Đa dạng sinh học;

- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật đa dạng sinh học năm 2008;

- Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

- Căn cứ vào nhu cầu của (tên Bên cung cấp) và (tên Bên tiếp cận);

Hợp đồng này được lập ngày....tháng....năm.... tại (địa điểm).....

Giữa

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CUNG CẤP NGUỒN GEN (Sau đây gọi là “Bên cung cấp”)

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước nơi nguồn gen được tiếp cận, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; Số Thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước nơi nguồn gen được tiếp cận, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

Và

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN TIẾP CẬN NGUỒN GEN (Sau đây gọi là “Bên tiếp cận”)

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân:

+ Họ và tên; số Thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử;

+ Thông tin chi tiết về tổ chức khoa học và công nghệ mà cá nhân là thành viên: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

(Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng hợp tác để thực hiện tiếp cận nguồn gen, các tổ chức, cá nhân này phải cung cấp đầy đủ các thông tin; tiến hành thỏa thuận, thống nhất các điều khoản và cùng ký Hợp đồng)

HAI BÊN CÙNG THỎA THUẬN NHƯ SAU:

Điều 1. Bên cung cấp và Bên tiếp cận thống nhất việc cung cấp và sử dụng nguồn gen với các thông tin cụ thể sau đây:

1. Nguồn gen: (Tên Việt Nam, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài).
2. Mẫu nguồn gen tiếp cận; cách thức, số lượng, khối lượng tiếp cận: Nêu rõ bao nhiêu mẫu vật, khối lượng, cá thể....
3. Mục đích tiếp cận nguồn gen: Ghi rõ mục đích là 1 trong 3 trường hợp: Nghiên cứu không vì mục đích thương mại; nghiên cứu vì mục đích thương mại hoặc phát triển sản phẩm thương mại.
4. Thời gian tiếp cận nguồn gen (bắt đầu, kết thúc): Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen tối đa không quá 03 năm.
5. Địa điểm tiếp cận nguồn gen.
6. Thông tin cụ thể của các bên dự kiến sử dụng nguồn gen và địa điểm thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn gen.
7. Thông tin về dự kiến sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có).
8. Thông tin về việc đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
9. Các thỏa thuận khác.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo về Kế hoạch tiếp cận nguồn gen)

Điều 2. Chia sẻ lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen

Tùy từng trường hợp cụ thể, Bên cung cấp và Bên tiếp cận tiến hành thương thảo về hình thức, cách thức chia sẻ lợi ích phù hợp với quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định pháp luật khác có liên quan về chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

Điều 3. Nghĩa vụ của Bên tiếp cận

1. Đối với việc tiếp cận nguồn gen:
 - Chỉ triển khai điều tra, thu thập nguồn gen theo Kế hoạch tiếp cận nguồn gen sau khi có Giấy phép tiếp cận nguồn gen do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;
 - Tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.
2. Đối với việc sử dụng nguồn gen:
 - Chỉ được sử dụng nguồn gen theo mục đích tiếp cận nguồn gen đã được quy định tại Hợp đồng này;

- Đối với việc phát triển sản phẩm thương mại, phải định kỳ thông tin, báo cáo với Bên cung cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định về tình hình sử dụng nguồn gen, thông tin về doanh thu từ việc sử dụng và thương mại hóa sản phẩm từ nguồn gen.

3. Thay đổi mục đích tiếp cận, sử dụng nguồn gen: Việc thay đổi mục đích tiếp cận nguồn gen được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

4. Về quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận nguồn gen:

- Bên tiếp cận đảm bảo cung cấp thông tin về nguồn gốc, xuất xứ nguồn gen của Bên cung cấp khi đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận, sử dụng nguồn gen;

- Khi tiến hành thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo từ sử dụng nguồn gen được tiếp cận, Bên tiếp cận phải đảm bảo chia sẻ lợi ích theo Điều 2 của Hợp đồng này và đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

5. Chuyển giao nguồn gen đã được tiếp cận cho bên thứ ba: Thực hiện theo các quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

6. Nghĩa vụ chia sẻ lợi ích: Thực hiện chia sẻ lợi ích quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

7. Chế độ thông tin, báo cáo: Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định của pháp luật về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

8. Thanh toán cho Bên cung cấp và các bên liên quan thù lao, chi phí, các khoản phí, lệ phí, thuế theo quy định.

9. Tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan và các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 4. Nghĩa vụ của Bên cung cấp

1. Phối hợp với Bên tiếp cận trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen khi có yêu cầu.

2. Cung cấp cho Bên tiếp cận các nguồn gen theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan và các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 5. Phương thức giải quyết tranh chấp

Các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 6. Chế độ sổ sách kế toán

Bên tiếp cận có trách nhiệm duy trì và cập nhật chính xác, đầy đủ sổ sách kế toán và báo cáo liên quan đến Hợp đồng này, bao gồm:

1. Các giao dịch được thực hiện.
2. Báo cáo riêng rẽ về các biên lai, hóa đơn.
3. Các sổ sách kế toán có thể được tiếp cận và kiểm tra, tất cả được lập theo tiêu chuẩn kế toán chung.
4. Các báo cáo, sổ sách ghi chép về doanh thu có được từ việc khai thác sử dụng nguồn gen được tiếp cận để đảm bảo các khoản thanh toán được chính xác.
5. Bên tiếp cận phải lưu sổ sách kế toán, báo cáo liên quan đến các mẫu vật trong vòng năm kể từ ngày hết hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng này. Điều khoản này vẫn duy trì ngay cả khi Hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn.
6. Các thỏa thuận khác.

Ngoài các nội dung nêu trên, tùy theo từng trường hợp cụ thể, các bên có thể thỏa thuận về những nội dung sau đây:

- Thuế, phí, lệ phí.
- Thỏa thuận về bảo mật thông tin phù hợp với quy định pháp luật.
- Bảo hiểm.
- Tiếp cận hồ sơ, sổ sách.
- Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.
- Chấm dứt và thanh lý Hợp đồng.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các nội dung khác có liên quan.

Hợp đồng này được lập thành ...bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,trang).
Mỗi bên giữ ... bản, 01 bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

BÊN CUNG CẤP

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo
chức danh và đóng dấu nếu có)*

BÊN TIẾP CẬN

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo
chức danh và đóng dấu nếu có)*

KẾ HOẠCH TIẾP CẬN NGUỒN GEN

(Phụ lục kèm theo Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích)

1. Thông tin chung về nguồn gen tiếp cận

- Tên nguồn gen (tên thông thường, tên khoa học, tên khác).
- Mẫu nguồn gen.
- Số lượng/khối lượng nguồn gen tiếp cận; (nêu rõ bao nhiêu mẫu vật, trọng lượng, cá thể...).
- Mục đích tiếp cận nguồn gen.
- Thời gian tiếp cận (bắt đầu, kết thúc): Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen tối đa không quá 03 năm.
- Địa điểm tiếp cận.

Tiếp cận ngoài tự nhiên:

- + Vị trí khu vực tiếp cận: Nêu rõ lô, khoảnh, tiểu khu đối với rừng và tọa độ địa lý đối với các hệ sinh thái khác;
- + Ranh giới: Mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm sơ đồ, bản đồ khu tiếp cận tỷ lệ nhỏ nhất là 1:10.000;
- + Diện tích khu vực tiếp cận;
- + Hiện trạng hệ sinh thái, khu hệ động vật, thực vật tại khu vực tiếp cận.

Tiếp cận tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bộ sưu tập:

Thông tin về nguồn gen dự kiến tiếp cận được lưu giữ tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bộ sưu tập (thời gian, địa điểm đã thu thập nguồn gen).

2. Phương án tiếp cận

- Cách thức tiếp cận và phương pháp tiến hành (phương tiện, công cụ tiếp cận, sử dụng, kỳ/đợt thu mẫu).
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia thực hiện điều tra, thu thập nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ....).

3. Đánh giá tác động của việc tiếp cận nguồn gen đến đa dạng sinh học, kinh tế và xã hội

- Dự báo các tác động có thể gây ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, hệ sinh thái nơi tiếp cận, kinh tế - xã hội.
- Đề xuất giải pháp nhằm ngăn chặn, giảm thiểu các tác động nêu trên.

4. Kế hoạch sử dụng nguồn gen

- Mục đích và kết quả dự kiến của việc sử dụng nguồn gen.
 - Việc sử dụng tri thức truyền thống kết hợp với các nguồn gen trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên di truyền, bao gồm cả việc xác định các đặc tính, công dụng và lợi ích của nguồn gen (nếu có, mô tả những tri thức truyền thống kết hợp với các nguồn gen và xác định các cộng đồng và cá nhân cung cấp các tri thức truyền thống nếu có sự khác biệt so với các nhà cung cấp các nguồn gen này).
 - Tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia thực hiện nghiên cứu, phát triển sản phẩm thương mại từ nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ....).
 - Địa điểm tiến hành nghiên cứu, phát triển sản phẩm thương mại từ nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen.
 - Hoạt động phát sinh dự kiến (nếu có):
 - + Đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (chi tiết số lượng/khối lượng nguồn gen và số lần đưa nguồn gen ra nước ngoài);
 - + Chuyển giao nguồn gen cho bên thứ ba mà không làm thay đổi mục đích sử dụng.
- (Kèm theo thông tin về tổ chức, cá nhân tiếp nhận nguồn gen, thời điểm đưa nguồn gen được tiếp cận ra nước ngoài; hoạt động sử dụng dự kiến).

5. Cam kết chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen

(Hình thức, cách thức và việc thực hiện chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen được thống nhất trong Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích giữa Bên tiếp cận và Bên cung cấp)

Mẫu giấy phép tiếp cận nguồn gen

(Ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.... (Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen
(Hồ sơ gốc số ngày)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen của... (tên tổ chức/cá nhân)....;

Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen cho:

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân:

+ Họ và tên; số Thẻ Căn cước công dân/thẻ Căn cước/Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; lĩnh vực chuyên môn về khoa học và công nghệ;

+ Thông tin chi tiết về tổ chức bảo lãnh: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax;

+ Số, ký hiệu; địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên văn bản bảo lãnh; tổ chức ban hành văn bản.

Điều 2. Phạm vi tiếp cận, sử dụng nguồn gen:

1. Nguồn gen: Tên Việt Nam, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài.
2. Mẫu nguồn gen tiếp cận; cách thức, số lượng, khối lượng tiếp cận.
3. Mục đích tiếp cận nguồn gen.
4. Thời gian tiếp cận nguồn gen (bắt đầu, kết thúc).
5. Địa điểm tiếp cận nguồn gen.
6. Bên cung cấp (tên, chi tiết liên hệ).
7. Thông tin của các bên sử dụng nguồn gen và địa điểm thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn gen.
8. Thông tin về việc sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen.
9. Thông tin về việc đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm của (tên tổ chức, cá nhân) được cấp phép:

1. Sử dụng nguồn gen cho mục đích “...” (mục đích đăng ký).
2. Thực hiện Kế hoạch tiếp cận nguồn gen được ban hành kèm theo Quyết định này.
3. Thực hiện các nội dung tại Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích số ngày ... tháng ... năm.... giữa (Bên tiếp cận) và (Bên cung cấp).
4. Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo và các quy định khác có liên quan khi tiếp cận và sử dụng nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen có nguồn gốc, xuất xứ tại Việt Nam.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 5. Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), và ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã.....;
- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

4. Tên thủ tục: Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen (1.004096)

4.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen đến Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn mười bảy (17) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Bước 4: Quyết định việc gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen; trường hợp từ chối thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

4.2. Cách thức thực hiện

Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Báo cáo tình hình thực hiện tiếp cận và sử dụng nguồn gen đến thời điểm đề nghị gia hạn theo phạm vi hoạt động tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã được cấp và nội dung Hợp đồng đã ký giữa các bên;

- Tài liệu liên quan khác, gồm:

+ Bản sao Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã được cấp;

+ Bản sao Hợp đồng đã ký giữa các bên liên quan;

+ Văn bản của Bên cung cấp chấp thuận về việc tiếp tục thực hiện các hoạt động tiếp cận nguồn gen giữa hai bên.

b) *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ hồ sơ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen khi Giấy phép tiếp cận nguồn gen hết thời hạn hiệu lực có nhu cầu tiếp tục hoạt động tiếp cận nguồn gen.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định gia hạn giấy phép tiếp cận nguồn gen theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.8. Phí, lệ phí: Chưa quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Đơn đề nghị gia hạn giấy phép tiếp cận nguồn gen theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điều 59 Luật Đa dạng sinh học năm 2008;
- Điều 17 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
- Khoản 1, Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Khoản 4, Điều 3 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép tiếp cận nguồn gen

(Ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP TIẾP CẬN NGUỒN GEN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh)

1. Thông tin chung

- Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời gian tiếp cận nguồn gen:

+ Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử;

+ Đối với cá nhân: Họ và tên; số Thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử;

Thông tin chi tiết về tổ chức khoa học và công nghệ mà cá nhân là thành viên: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

- Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã được cấp theo Quyết định số ... /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh)...

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đã thực hiện**3. Nội dung đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen**

- Lý do (nêu rõ lý do và giải trình) về đề nghị gia hạn:.....

- Thời gian đề nghị gia hạn: Từ... đến ...

4. Tài liệu gửi kèm theo (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

Đề nghị quý cơ quan xem xét gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã được cấp./.

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Tổ chức/cá nhân đề nghị

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh,
đóng dấu nếu có)*

Quyết định gia hạn giấy phép tiếp cận nguồn gen

(Ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen của... (tên tổ chức/cá nhân);

Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian tiếp cận nguồn gen tại Quyết định số ... /QĐ-.... ngày...tháng...năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2. Các nội dung không điều chỉnh tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số ... /QĐ-.... ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh) về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 4. Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), và... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã.....;
- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

5. Tên thủ tục: Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại (1.004117)

5.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại đến Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn chín (09) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Bước 4: Quyết định việc cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

5.2. Cách thức thực hiện

Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Hồ sơ đề nghị đưa nguồn gen ra nước ngoài của học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam, bao gồm:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (01 bản chính);

+ Giấy giới thiệu của tổ chức khoa học và công nghệ hoặc cơ sở đào tạo ở nước ngoài mà học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam học tập (gồm các thông tin cơ bản: họ và tên, số thẻ Căn cước công dân/số thẻ Căn cước/số Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước, địa chỉ liên hệ, điện thoại) (01 bản chính).

+ Ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật (Đối với nguồn gen đề nghị đưa ra nước ngoài thuộc danh mục nguồn gen tiếp cận, sử dụng có điều kiện) (01 bản chính).

- Hồ sơ đề nghị cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam để tiến hành nghiên cứu không vì mục đích thương mại, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị theo Mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (01 bản chính);

+ Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức khoa học và công nghệ (01 bản sao);

+ Văn bản đồng ý tiếp nhận nguồn gen của tổ chức nước ngoài theo đề nghị của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam (01 bản sao);

+ Chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt có liên quan đến nguồn gen đề nghị đưa ra nước ngoài (01 bản sao);

+ Ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật (Đối với nguồn gen đề nghị đưa ra nước ngoài thuộc danh mục nguồn gen tiếp cận, sử dụng có điều kiện) (01 bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam;
- Tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại Mẫu số 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.8. Phí, lệ phí: Không thu phí.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Đơn (văn bản) đề nghị đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại theo Mẫu số 12 Phụ lục I ban hành

kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;
- Điều 20 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
- Khoản 1, Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Điều 4 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

**Đơn (văn bản) đề nghị đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập,
nghiên cứu không vì mục đích thương mại**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN (VĂN BẢN) ĐỀ NGHỊ ĐƯA NGUỒN GEN
RA NƯỚC NGOÀI PHỤC VỤ HỌC TẬP/
NGHIÊN CỨU KHÔNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh)

1. Thông tin về tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân đăng ký

- Trường hợp là tổ chức khoa học và công nghệ: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

- Trường hợp là cá nhân: Họ và tên; số Thẻ Căn cước công dân/thẻ Căn cước/Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; thông tin chi tiết về tổ chức khoa học và công nghệ hoặc cơ sở đào tạo mà học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh đang học tập.

2. Mục đích đưa ra nước ngoài

- ☐ Nghiên cứu không vì mục đích thương mại
- ☐ Học tập

3. Thông tin về nguồn gen đưa ra nước ngoài

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
1.	Tên nguồn gen	<i>(Tên Việt Nam, tên khoa học, tên khác của loài hoặc dưới loài; trường hợp đưa nguồn gen ra nước ngoài thực hiện nghiên cứu phân loại có thể áp dụng cấp chi)</i>
2.	Địa điểm thu thập nguồn gen	<i>(Địa chỉ, tọa độ khu vực đã thu thập nguồn gen)</i>
3.	Thời gian thu thập nguồn gen	
4.	Mẫu nguồn gen	<i>(Bộ phận thu thập, tiếp cận)</i>
5.	Số lượng/ Khối lượng đã thu thập	
6.	Mô tả cách thức đã thu thập	<i>(Phương tiện, công cụ, thiết bị sử dụng; hình thức tiếp cận)</i>
7.	Tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có sử dụng)	

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
8.	Số lượng/Khối lượng nguồn gen đăng ký đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	

4. Thông tin về Bên cung cấp

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động; quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; Thẻ Căn cước công dân/thẻ Căn cước/Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

5. Thông tin về việc sử dụng nguồn gen ở nước ngoài

Cung cấp thông tin cụ thể về tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác, tiếp nhận nguồn gen để phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại.

6. Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

7. Cam kết

(Tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân) cam kết:

- Chỉ sử dụng nguồn gen đề nghị đưa ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại;

- Không chuyển giao nguồn gen đề nghị đưa ra nước ngoài cho bên thứ ba;

- Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo được quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về báo cáo tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương.... chậm nhất sau 03 tháng, kể từ ngày kết thúc chương trình nghiên cứu;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp vi phạm các cam kết quy định tại Đơn này.

Đề nghị quý cơ quan xem xét cho phép đưa nguồn gen đề nghị nêu trên ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại./.

(Địa danh), ngày tháng năm ...

Tổ chức/cá nhân đăng ký

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh
và đóng dấu nếu có)

**Mẫu quyết định cho phép đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ
Việt Nam phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại**
(Ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP
TỈNH)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Địa danh), ngày tháng năm

Số: /QĐ-....

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ
nghiên cứu, học tập không vì mục đích thương mại**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Xét hồ sơ đề nghị đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại của... (tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân)....;

Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông tin về tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân được cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại:

- Đối với tổ chức khoa học và công nghệ: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số Thẻ Căn cước công dân/thẻ Căn cước/Căn cước điện tử/số định danh cá nhân/số giấy chứng nhận căn cước hoặc giấy tờ

tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; thông tin chung về tổ chức khoa học và công nghệ hoặc cơ sở đào tạo mà học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh đang học tập.

Điều 2. Thông tin về nguồn gen được cho phép đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại:

1. Nguồn gen (tên thông thường, tên khoa học, tên khác).
2. Mẫu nguồn gen.
3. Thông tin về Bên cung cấp (tên, chi tiết liên hệ).
4. Địa điểm đã thu thập nguồn gen.

5. Số lượng/Khối lượng nguồn gen được phép đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

6. Địa điểm sử dụng nguồn gen ở nước ngoài (tên tổ chức nghiên cứu, cơ sở đào tạo, chi tiết liên hệ).

Điều 3. Trách nhiệm của (tên tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân) được cấp phép:

1. Chỉ sử dụng nguồn gen được cấp phép phục vụ mục đích “...” (học tập hoặc nghiên cứu không vì mục đích thương mại).

2. Không chuyển giao nguồn gen được cấp phép cho bên thứ ba.

3. Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo và các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen tại Thông tư số 10/2020/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về báo cáo tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), ...và (tên tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân)... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như tại Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cơ quan hải quan;
- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)